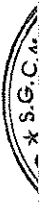




Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên
độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014



Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thông tin về Công ty

Quyết định thành lập số 1256/ GP-UB Ngày 16 tháng 6 năm 1994

**Giấy chứng nhận
đăng ký kinh doanh số** 0100364579 Ngày 20 tháng 3 năm 2014

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 19 lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 20 tháng 3 năm 2014. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Vladislavs Savkins	Chủ tịch
Ông Võ Văn Mai	Phó Chủ tịch <i>(từ ngày 18 tháng 2 năm 2014)</i>
	Thành viên <i>(đến ngày 17 tháng 2 năm 2014)</i>
Ông Hoàng Việt Hà	Phó chủ tịch
Ông Tôn Quốc Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Hải	Thành viên
Ông David Đỗ	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phạm Việt Giang	Tổng Giám đốc <i>(từ ngày 18 tháng 2 năm 2014)</i>
	Phó Tổng Giám đốc <i>(đến ngày 17 tháng 2 năm 2014)</i>
Ông Võ Văn Mai	Tổng Giám đốc <i>(đến ngày 17 tháng 2 năm 2014)</i>
Ông Đặng Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Hải	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký 152 Thụy Khuê
Quận Tây Hồ, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

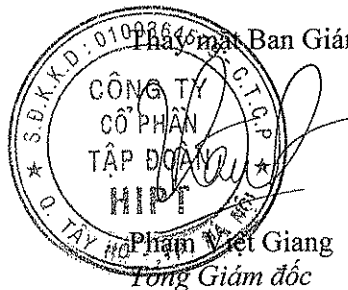
Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định pháp lý có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Phạm Việt Giang
Ban Giám đốc



CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
HIPT

Phạm Việt Giang
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 29-08-2014



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 8 năm 2014, được trình bày từ trang 5 đến trang 42. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Báo cáo kiểm toán của chúng tôi ngày 31 tháng 3 năm 2014 về báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ do các ảnh hưởng tiềm tàng của các điều chỉnh có thể được xác định là cần thiết nếu chúng tôi có thể xác định được khả năng thu hồi các khoản phải thu từ Công ty TNHH HIPT Mobile (“HIPT Mobile”) với giá trị ghi sổ thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 10,4 tỷ VND (khoản phải thu khách hàng có giá trị là 20,2 tỷ VND trừ đi dự phòng phải thu khó đòi là 9,8 tỷ VND). Do số dư hiện hành được mang sang căn cứ trên số liệu báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014, báo cáo soát xét của chúng tôi về báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng có nội dung ngoại trừ do ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đối với kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho giai đoạn này cũng như các ảnh hưởng của chúng đối với các số liệu so sánh được trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm này.

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty đã lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi là 1,8 tỷ VND cho khoản phải thu từ HIPT Mobile này với giá trị ghi sổ thuần còn lại là 8,6 tỷ VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2014. Chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục soát xét phù hợp để xác định khả năng thu hồi của khoản phải thu này. Do đó, chúng tôi không thể xác định xem có cần thực hiện các điều chỉnh đối với dự phòng phải thu khó đòi, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí thuế thu nhập, lợi nhuận thuần và lợi nhuận chưa phân phối tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014.



Công ty đang ghi nhận khoản đầu tư vào một số công ty liên kết, liên doanh được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu với tổng giá trị là 2,3 tỷ VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục soát xét thích hợp về giá trị của khoản đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh này tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty này cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 vì chúng tôi không được tiếp cận với các chứng từ và sổ sách kế toán của các công ty này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 14-02-145-b



Đạm Xuân Lâm
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2014

Nguyễn Tâm Anh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0651-2013-007-1

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 01a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		419.076.915.314	515.989.023.025
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.764.103.463	48.020.519.522
Tiền	111		4.764.103.463	46.518.875.228
Các khoản tương đương tiền	112		-	1.501.644.294
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	11	72.000.000.000	72.150.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn khác	121		72.000.000.000	72.150.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5	214.417.705.581	270.961.836.034
Phải thu khách hàng	131		46.190.614.658	121.314.492.881
Trả trước cho người bán	132		14.288.177.003	18.761.875.757
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	134	5	163.033.513.619	139.135.555.457
Các khoản phải thu khác	135	5	5.728.392.874	5.482.788.692
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	31(b)(ii)	(14.822.992.573)	(13.732.876.753)
Hàng tồn kho	140	6	82.033.940.479	119.719.848.493
Hàng tồn kho	141		83.225.230.488	120.988.823.695
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.191.290.009)	(1.268.975.202)
Tài sản ngắn hạn khác	150		45.861.165.791	5.136.818.976
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.209.709.571	209.322.667
Thuế và các khoản khác phải thu				
Ngân sách Nhà nước	154		943.157.682	275.969.354
Tài sản ngắn hạn khác	158	7	42.708.298.538	4.651.526.955

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		129.083.539.803	133.556.318.129
Các khoản phải thu dài hạn	210		59.839.242	403.129.000
Phải thu dài hạn khác	218		59.839.242	403.129.000
Tài sản cố định	220		41.188.971.131	43.653.297.214
Tài sản cố định hữu hình	221	8	36.801.082.760	38.895.260.767
Nguyên giá	222		63.789.920.719	63.754.050.719
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.988.837.959)	(24.858.789.952)
Tài sản cố định vô hình	227	9	4.387.888.371	4.758.036.447
Nguyên giá	228		7.445.612.093	7.445.612.093
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.057.723.722)	(2.687.575.646)
Bất động sản đầu tư	240	10	22.038.605.870	19.877.994.578
Nguyên giá	241		24.789.857.165	24.789.857.165
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(2.751.251.295)	(4.911.862.587)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	64.480.683.637	67.800.651.706
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh	252		16.236.726.359	19.556.694.428
Đầu tư dài hạn khác	258		49.767.090.000	49.767.090.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.523.132.722)	(1.523.132.722)
Tài sản dài hạn khác	260		1.315.439.923	1.821.245.631
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	1.298.944.020	1.804.749.728
Tài sản dài hạn khác	268		16.495.903	16.495.903
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		548.160.455.117	649.545.341.154

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		180.245.781.890	274.501.318.566
Nợ ngắn hạn	310		158.879.211.905	252.267.604.342
Vay ngắn hạn	311	15	35.854.980.172	52.499.955.979
Phải trả người bán	312		24.457.060.793	36.367.431.082
Người mua trả tiền trước	313		13.539.117.719	71.805.848.352
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	800.289.605	4.325.272.984
Phải trả người lao động	315		1.621.825.961	2.427.499.727
Chi phí phải trả	316	17	2.673.435.775	3.718.138.600
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	79.932.501.880	81.123.457.618
Nợ dài hạn	330		21.366.569.985	22.233.714.224
Phải trả dài hạn khác	333		705.000.000	746.499.164
Dự phòng bảo hành	337	19	482.449.474	612.262.807
Doanh thu chưa thực hiện	338	20	20.179.120.511	20.874.952.253
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		367.914.673.227	375.044.022.588
Vốn chủ sở hữu	410	21	367.914.673.227	375.044.022.588
Vốn cổ phần	411	22	225.590.300.000	225.590.300.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	21	136.237.470.000	136.237.470.000
Cổ phiếu quỹ	414	21	(19.010.756.592)	(19.010.756.592)
Quỹ đầu tư phát triển	417	23	12.788.285.298	12.788.285.298
Quỹ dự phòng tài chính	418	23	6.840.705.686	6.840.705.686
Lợi nhuận chưa phân phối	420	21	5.468.668.835	12.598.018.196
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		548.160.455.117	649.545.341.154

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2014	31/12/2013
Ngoại tệ - USD	17.580	28.326

Người lập:



Nguyễn Hải Yên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trần Hiền
Kế toán trưởng



Phạm Việt Giang
Tổng Giám đốc

29 -08- 2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 02a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Tổng doanh thu	01	24	172.060.891.923	252.737.872.719
Giá vốn hàng bán	11	25	141.761.248.944	203.844.322.393
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		30.299.642.979	48.893.550.326
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	685.240.167	5.119.399.790
Chi phí tài chính	22	27	1.680.546.493	6.972.294.526
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.536.288.673</i>	<i>1.161.519.547</i>
Chi phí bán hàng	24		18.271.719.528	19.846.685.622
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.840.364.233	23.526.090.178
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21- 22) - (24 + 25)}	30		(4.807.747.108)	3.667.879.790
Thu nhập khác	31	28	1.786.019.855	1.912.114.858
Chi phí khác	32		77.870.118	501.738.802
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.708.149.737	1.410.376.056
(Lỗ)/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	45		(3.265.368.069)	179.400.436
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50		(6.364.965.440)	5.257.656.282
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	764.383.921	1.504.427.501
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	-	770.698.506
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(7.129.349.361)	2.982.530.275
Phân bổ cho:				
Chủ sở hữu của Tập đoàn	62		(7.129.349.361)	2.982.530.275
(Lỗ)/lãi trên cổ phiếu				
(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	(330)	138

29-08-2014

Người lập:



Nguyễn Hải Yên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Văn Hiền
Kế toán trưởng



Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	01		(6.364.965.440)	5.257.656.282
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		2.551.793.311	3.325.219.787
Các khoản dự phòng	03		1.090.115.820	9.377.006.641
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	289.101.414
Lãi thanh lý đầu tư	05		-	(3.780.000.000)
Hoàn nhập phân bổ lũy kế bất động sản đầu tư	05		(2.212.208.520)	-
Thu nhập từ tiền lãi và cổ tức	05		(610.074.644)	(1.332.925.890)
Chi phí lãi vay	06		1.536.288.673	1.161.519.547
Lỗ/(lợi nhuận) thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	07		3.265.368.069	(179.400.436)
(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(743.682.731)	14.118.177.345
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		15.222.957.576	(129.891.472.814)
Biến động hàng tồn kho	10		37.556.094.681	(68.007.926.740)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(76.749.303.963)	11.608.823.982
Biến động chi phí trả trước	12		505.805.708	469.703.083
			(24.208.128.729)	(171.702.695.144)
Tiền lãi vay đã trả	13		(1.536.288.673)	(1.161.519.547)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.495.827.494)	(1.913.517.923)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(27.240.244.896)	(174.777.732.614)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN



	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(35.870.000)	(2.715.916.047)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(21.000.000.000)
Tiền thuần thu từ thanh lý các công cụ vốn tại đơn vị khác	26		-	16.395.000.000
Tiền ứng trước của một bên thứ ba liên quan đến việc mua khoản đầu tư	26		-	2.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		664.674.644	1.576.167.594
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		628.804.644	(3.744.748.453)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33		65.917.951.572	117.594.655.459
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(82.562.927.379)	(13.965.640.396)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16.644.975.807)	103.629.015.063
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(43.256.416.059)	(74.893.466.004)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		48.020.519.522	114.701.287.051
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	4	4.764.103.463	39.807.821.047

Người lập:



Nguyễn Hải Yên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Trần Hiền
Kế toán trưởng

29 -08- 2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 09a – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết và liên doanh. Các hoạt động chính của Tập đoàn là cung cấp các dịch vụ và sản phẩm liên quan đến công nghệ thông tin (“CNTT”) như tích hợp hệ thống, phát triển và dịch vụ phần mềm; phân phối các sản phẩm CNTT; bảo trì và bảo hành thiết bị CNTT và hệ thống CNTT.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tập đoàn có 257 nhân viên (31/12/2013: 289 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định pháp lý có liên quan của Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Ngoài ra, Tập đoàn lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Giá trị hợp đồng dở dang

Giá trị hợp đồng dở dang được phản ánh theo giá vốn cộng với lợi nhuận ước tính cho đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn phản ánh các khoản chi phí liên quan trực tiếp và có thể tính vào giá thành theo hợp đồng. Khoản chênh lệch của giá trị hợp đồng cơ bản dở dang cao hơn hoặc thấp hơn so với thanh toán theo tiến độ kế hoạch và tạm ứng từ khách hàng được thể hiện là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	25 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 6 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 25 năm.

(ii) Thương hiệu

Chi phí mua thương hiệu và nhãn hiệu được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Thương hiệu và nhãn hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong toàn bộ thời gian hữu dụng ước tính.

(iii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 đến 8 năm.

(j) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư dưới dạng quyền sử dụng đất dài hạn được thể hiện theo nguyên giá và không phân bổ.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	20 năm
-----------	--------

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(k) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 15 đến 36 tháng.

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(m) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong ba năm gần đây nhất. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

(o) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Tập đoàn có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(p) **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(q) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm được phân bổ trực tiếp để phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền góp vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(iii) Cổ phiếu quỹ

Khi vốn cổ phần mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền để thanh toán, bao gồm các chi phí có liên quan sau khi đã trừ đi các ảnh hưởng của thuế được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu. Các cổ phiếu này được phân loại là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ tổng vốn chủ sở hữu. Khi phát hành lại cổ phiếu quỹ được mua lại, chênh lệch giữa giá phát hành và giá mua lại được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

(r) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ tích hợp hệ thống, phát triển và dịch vụ phần mềm ứng dụng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành được xác định dựa trên khối lượng công việc thực hiện bao gồm tiến độ thực tế, thời gian làm việc hay tỷ lệ chi phí đã phát sinh trên tổng chi phí ước tính. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ các dịch vụ bảo hành thiết bị CNTT và bảo trì hệ thống được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn cung cấp dịch vụ.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(s) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(t) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(u) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(v) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

(w) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc cho rằng Tập đoàn hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về công nghệ thông tin tại một vùng địa lý duy nhất là Việt Nam với các điều kiện kinh tế, chính trị và các quy định như nhau.

(x) Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát, trực tiếp hoặc gián tiếp, hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu các bên đều dưới quyền bị kiểm soát chung hoặc chịu cùng ảnh hưởng đáng kể.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	1.216.381.731	1.475.178.855
Tiền gửi ngân hàng	3.547.721.732	45.043.696.373
Các khoản tương đương tiền	-	1.501.644.294
	<hr/>	<hr/>
	4.764.103.463	48.020.519.522

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

5. Các khoản phải thu ngắn hạn

Bao gồm trong các khoản phải thu ngắn hạn có các khoản phải thu từ các công ty liên quan sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu từ các công ty liên quan		
Thương mại	2.944.064.418	10.871.056.928

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng bao gồm:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Doanh thu lũy kế theo hợp đồng ghi nhận tại thời điểm đầu kỳ/năm	139.135.555.457	66.604.752.890
Doanh thu theo hợp đồng ghi nhận trong kỳ/năm	94.751.325.110	108.067.187.188
Doanh thu lũy kế theo hợp đồng ghi nhận tại thời điểm cuối kỳ/năm	233.886.880.567	174.671.940.078
Hóa đơn phát hành theo tiến độ và các khoản tạm ứng của khách hàng	(70.853.366.948)	(35.536.384.621)
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	163.033.513.619	139.135.555.457

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu các khoản cho nhân viên vay	1.460.411.605	1.703.849.580
Phải thu khác	4.267.981.269	3.778.939.112
	5.728.392.874	5.482.788.692

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

6. Hàng tồn kho

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	43.929.031.033	28.821.783.009
Hàng hóa	37.238.431.968	90.748.251.549
Hàng gửi đi bán	2.057.767.487	1.418.789.137
	<hr/>	<hr/>
	83.225.230.488	120.988.823.695
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.191.290.009)	(1.268.975.202)
	<hr/>	<hr/>
	82.033.940.479	119.719.848.493

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 có 1.191 triệu VND (31/12/2013: 1.269 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ/năm như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ/năm	1.268.975.202	1.266.902.501
Tăng dự phòng trong kỳ/năm	-	2.072.701
Sử dụng dự phòng	(77.685.193)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ/năm	1.191.290.009	1.268.975.202

7. Tài sản ngắn hạn khác

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tạm ứng cho thành viên Ban Giám đốc	5.785.131.250	2.201.686.250
Tạm ứng cho nhân viên	36.582.503.633	2.109.176.697
Tài sản ngắn hạn khác	340.663.655	340.664.008
	<hr/>	<hr/>
	42.708.298.538	4.651.526.955

Các khoản tạm ứng cho thành viên Ban Giám đốc và nhân viên không có đảm bảo, không hưởng lãi với mục đích thực hiện các dự án hoạt động của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	40.849.504.796	18.241.365.768	4.121.532.813	541.647.342	63.754.050.719
Tăng trong kỳ	-	35.870.000	-	-	35.870.000
Số dư cuối kỳ	40.849.504.796	18.277.235.768	4.121.532.813	541.647.342	63.789.920.719
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	7.248.698.082	13.179.894.643	4.121.532.813	308.664.414	24.858.789.952
Khấu hao trong kỳ	1.021.382.670	1.084.140.817	-	24.524.520	2.130.048.007
Số dư cuối kỳ	8.270.080.752	14.264.035.460	4.121.532.813	333.188.934	26.988.837.959
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	33.600.806.714	5.061.471.125	-	232.982.928	38.895.260.767
Số dư cuối kỳ	32.579.424.044	4.013.200.308	-	208.458.408	36.801.082.760

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 có 23.371 triệu VND liên quan đến khu nhà thấp tầng tại cùng địa chỉ với Công ty. Việc xây dựng khu nhà này một phần do các cá nhân tài trợ với số tiền là 25.349 triệu VND (Thuyết minh 20). Việc xây dựng khu nhà này đã hoàn thành, tuy nhiên, Công ty và các cá nhân liên quan vẫn chưa thỏa thuận xong về quyền sở hữu khu nhà và các nghĩa vụ tài chính của các bên. Trong những năm trước, Công ty đã thực hiện kết chuyển tài sản này từ Xây dựng cơ bản dở dang sang Tài sản cố định hữu hình và bắt đầu thực hiện trích khấu hao theo thời hạn thuế đất còn lại của khu nhà thấp tầng này.

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là một số tài sản với nguyên giá là 9.268 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 9.131 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 36.693 triệu VND (31/12/2013: 38.757 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 15).

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Thương hiệu VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	3.926.442.619	588.000.000	2.931.169.474	7.445.612.093
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	1.413.519.347	544.982.408	729.073.891	2.687.575.646
Khấu hao trong kỳ	78.528.852	-	291.619.224	370.148.076
Số dư cuối kỳ	1.492.048.199	544.982.408	1.020.693.115	3.057.723.722
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	2.512.923.272	43.017.592	2.202.095.583	4.758.036.447
Số dư cuối kỳ	2.434.394.420	43.017.592	1.910.476.359	4.387.888.371

10. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	22.122.085.200	2.667.771.965	24.789.857.165
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	4.424.417.040	487.445.547	4.911.862.587
Khấu hao trong kỳ	-	51.597.228	51.597.228
Hoàn nhập	(2.212.208.520)		(2.212.208.520)
Số dư cuối kỳ	2.212.208.520	539.042.775	2.751.251.295
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	17.697.668.160	2.180.326.418	19.877.994.578
Số dư cuối kỳ	19.909.876.680	2.128.729.190	22.038.605.870

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, bất động sản đầu tư liên quan đến một mảnh đất chưa sử dụng đang được giữ để bán tại Đà Nẵng và nhà cửa trên mảnh đất đó.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì Tập đoàn chưa thực hiện việc xác định giá trị hợp lý.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2013, toàn bộ bất động sản đầu tư được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 15).

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

11. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số lượng cổ phiếu	30/6/2014	31/12/2013	
		VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Bảo Việt	7.200.000	72.000.000.000	7.200.000	72.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-		150.000.000
		<u>72.000.000.000</u>		<u>72.150.000.000</u>

Tập đoàn ký kết một thỏa thuận chuyển nhượng 7.200.000 cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần (TMCP) Bảo Việt cho một bên thứ ba với giá 10.000 VND một cổ phiếu. Theo đó, Tập đoàn nhận được khoản thanh toán có giá trị 72 tỷ VND như một sự đảm bảo cho việc chuyển nhượng quyền sở hữu cổ phiếu. Theo Thỏa thuận chuyển nhượng cổ phiếu, việc chuyển nhượng cổ phiếu sẽ được diễn ra muộn nhất vào ngày 11 tháng 12 năm 2013. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, các thủ tục liên quan đến việc chuyển giao quyền sở hữu cổ phiếu từ Tập đoàn sang các bên thứ ba vẫn chưa được hoàn thiện. Khoản tiền đầu tư cho số cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Bảo Việt trị giá 72 tỷ VND được ghi nhận là khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày báo cáo và khoản tạm ứng được ghi nhận vào khoản mục phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (Thuyết minh 18).

(b) Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Đầu tư vốn dài hạn tại:		
▪ các công ty liên kết, liên doanh	16.236.726.359	19.556.694.428
▪ các đơn vị khác	49.767.090.000	49.767.090.000
	<u>66.003.816.359</u>	<u>69.323.784.428</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(1.523.132.722)	(1.523.132.722)
	<u>64.480.683.637</u>	<u>67.800.651.706</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN**

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết và liên doanh trong kỳ/năm như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ/năm	19.556.694.428	19.683.953.116
Tăng trong kỳ/năm	-	250.000.000
(Lỗ)/lãi từ đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh	(3.265.368.069)	812.928.713
Cổ tức được chia	(54.600.000)	(1.190.187.401)
	<hr/>	<hr/>
	16.236.726.359	19.556.694.428
	<hr/>	<hr/>

Chi tiết các khoản đầu tư vào các đơn vị khác như sau:

	30/6/2014 và 31/12/2013 VND
Công ty CP Chứng khoán Tân Việt	11.054.590.000
Công ty CP Dịch vụ Di động Trực tuyến M-Service	8.312.500.000
Công ty cổ phần Dịch vụ nền di động Việt Nam	29.400.000.000
Dự án Đảo Sen	1.000.000.000
	<hr/>
	49.767.090.000
	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

12. Các đơn vị trong Tập đoàn

Dưới đây là danh sách các công ty con, công ty liên kết và liên doanh của Tập đoàn tại ngày báo cáo:

Các công ty con	% sở hữu và quyền biểu quyết	
	30/6/2014	và 31/12/2013
Công ty TNHH Giải pháp và Tư vấn Công nghệ HIPT (“HISC Ltd.”)	100%	100%
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tin học HIPT (“HIST Ltd.”)	100%	100%
Công ty TNHH MTV HIPT Sài Gòn (“HISG Ltd.”)	100%	100%
Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư HIPT (“HIPT Invest”)	100%	100%
Công ty TNHH Hệ thống Dịch vụ Công nghệ HIPT (“HISN Ltd.”)	100%	100%
Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn Nhân lực Chân trời mới Hà Nội (“New Horizons JSC”)	78%	78%
Công ty TNHH Giải pháp Ngân hàng và Tài chính HIPT (“HIBF Ltd.”)	100%	100%
Trường Kỹ nghệ thực hành HIPT (“HIPT School”)	100%	100%
Công ty Cổ phần Năng lượng Công nghệ cao (“Hi-Power Tech”)(*)	55%	55%

(*) Công ty Cổ phần Năng lượng Công nghệ cao là công ty con của Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư HIPT.

Các công ty liên doanh, liên kết	Địa chỉ	% sở hữu và quyền biểu quyết	
		30/6/2014	và 31/12/2013
Công ty Cổ phần Đội Công nghệ 3D Hà Nội	Tầng 2, Căn hộ F, 28 Xuân La, Phường Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam	25%	25%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng không Việt	152 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam	35%	35%
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Lam Hồng	2 Vũ Quang, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	26%	26%
Công ty TNHH Giải pháp HIMC	152 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam	32%	32%
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không	Tòa nhà Arimex, 414 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội, Việt Nam	20%	20%
Thời báo Doanh nhân	64 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam	50%	50%
Công ty Cổ phần Thông tin Hapro	38-40, Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	20%	20%

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN****13. Chi phí trả trước dài hạn**

	Công cụ và dụng cụ VND
Số dư đầu kỳ	1.804.749.728
Tăng trong kỳ	425.228.376
Phân bổ trong kỳ	(931.034.084)
Số dư cuối kỳ	1.298.944.020

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản lỗ tính thuế của các công ty con của Công ty:

	30/6/2014		31/12/2013	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
HIST Ltd.	568.943.906	113.788.781	192.847.556	38.569.511
HIPT Invest	2.881.871.488	576.374.298	2.911.840.613	582.368.123
New Horizons JSC	90.429.712	18.085.942	1.042.828.775	208.565.755
HIPT School	312.821.239	62.564.248	636.538.286	127.307.657
HISN Ltd.	8.987.354.066	1.797.470.813	10.120.575.446	2.024.115.089
HIBF Ltd.	726.246.963	72.624.696	726.246.963	36.312.348
HISG Ltd.	3.823.102.194	764.620.439	3.822.590.925	764.518.185
Hi-Power Tech	3.452.645.379	690.529.076	3.452.645.379	690.529.076
	20.843.414.947	4.096.058.293	22.906.113.943	4.472.285.744

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ	
		30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
2014	Chưa quyết toán	-	2.398.462.673
2015	Chưa quyết toán	4.423.250.440	4.434.125.257
2016	Chưa quyết toán	5.244.784.713	5.244.784.713
2017	Chưa quyết toán	10.655.285.292	10.655.285.292
2018	Chưa quyết toán	143.486.883	173.456.008
2019	Chưa quyết toán	376.607.619	-
		20.843.414.947	22.906.113.943

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty và các công ty con có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

Biến động các khoản lỗ tính thuế được khấu trừ, nhưng chưa được ghi nhận là tài sản thuế thu nhập hoãn lại, trong năm như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗ tính thuế được khấu trừ đầu kỳ	22.906.113.943	4.472.285.744
Lỗ tính thuế được khấu trừ phát sinh trong kỳ	376.607.619	82.853.676
Lỗ tính thuế được khấu trừ sử dụng trong kỳ	(40.843.942)	(8.985.667)
Lỗ tính thuế được khấu trừ hết hiệu lực trong kỳ	(2.398.462.673)	(527.661.788)
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	-	77.566.328
Lỗ tính thuế được khấu trừ cuối kỳ	20.843.414.947	4.096.058.293

15. Vay ngắn hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Khoản vay từ BIDV	VND	9-11,5%	35.854.980.172	52.499.955.979

Các khoản vay từ BIDV được bảo đảm bằng các tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 lần lượt là 36.693 triệu VND và 22.039 triệu VND (31/12/2013: 38.895 triệu VND và 19.878 triệu VND) (Thuyết minh 8 và Thuyết minh 10).

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

16. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	8.773.677	2.721.660.657
Thuế thu nhập doanh nghiệp	770.898.742	1.502.342.315
Thuế thu nhập cá nhân	20.617.186	101.270.012
	<hr/>	<hr/>
	800.289.605	4.325.272.984
	<hr/>	<hr/>

17. Chi phí phải trả

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Chi phí phải trả thực hiện hợp đồng	2.673.435.775	3.718.138.600
	<hr/>	<hr/>

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Doanh thu chưa thực hiện	3.251.578.392	2.655.422.929
Tạm ứng từ một bên thứ ba liên quan đến việc mua cổ phiếu tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt (Thuyết minh 11)	72.000.000.000	72.000.000.000
Phải trả khác cho các bên liên quan	-	2.458.800.000
Các khoản phải nộp Nhà nước khác (*)	2.656.280.900	2.656.280.900
Các khoản phải trả khác	2.024.642.588	1.352.953.789
	<hr/>	<hr/>
	79.932.501.880	81.123.457.618
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả khác đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả theo yêu cầu.

(*) Phản ánh khoản phải nộp Nhà nước liên quan đến việc hủy bỏ đề án 112 từ Chính phủ - để cài đặt phần mềm tích hợp tại các cơ quan nhà nước trên toàn quốc.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

19. Dự phòng bảo hành

Biến động của các khoản dự phòng trong kỳ như sau:

	Bảo hành VND
Số dư đầu kỳ	612.262.807
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(129.813.333)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	482.449.474
	<hr/> <hr/>

20. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền nhận được từ các cá nhân liên quan đến việc xây dựng Khu nhà 152 Thụy Khuê (Thuyết minh 8), và phân bổ vào doanh thu cho thuê theo thời hạn thuê đất của khu nhà thấp tầng này là 18 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2012.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

21. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	225.590.300.000	136.237.470.000	(19.010.756.592)	12.788.285.298	6.840.705.686	11.014.417.103	373.460.421.495
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	2.982.530.275	2.982.530.275
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	225.590.300.000	136.237.470.000	(19.010.756.592)	12.788.285.298	6.840.705.686	13.996.947.378	376.442.951.770
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	225.590.300.000	136.237.470.000	(19.010.756.592)	12.788.285.298	6.840.705.686	12.598.018.196	375.044.022.588
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	(7.129.349.361)	(7.129.349.361)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	225.590.300.000	136.237.470.000	(19.010.756.592)	12.788.285.298	6.840.705.686	5.468.668.835	367.914.673.227

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2014 và 31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	22.559.030	225.590.300.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	22.559.030	225.590.300.000
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	985.047	19.010.756.592
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	21.573.983	206.579.543.408

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

23. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(a) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(b) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông. Các quỹ này được thành lập để bảo vệ Công ty trước các rủi ro tài chính và các rủi ro khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

24. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	111.056.398.886	195.483.322.270
▪ Cung cấp dịch vụ	59.881.440.428	55.202.039.999
▪ Cho thuê	1.123.052.609	2.052.510.450
	<hr/>	<hr/>
	172.060.891.923	252.737.872.719

25. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Hàng hoá đã bán	95.202.091.803	160.109.349.654
Dịch vụ đã cung cấp	45.952.831.143	43.128.669.241
Cho thuê	606.325.998	606.303.498
	<hr/>	<hr/>
	141.761.248.944	203.844.322.393

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Lãi tiền gửi	180.081.244	1.272.925.890
Cổ tức nhận được	429.993.400	60.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	75.165.523	6.473.900
Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	-	3.780.000.000
	<hr/>	<hr/>
	685.240.167	5.119.399.790

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

27. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Chi phí lãi vay	1.536.288.673	1.161.519.547
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	123.031.535	654.528.169
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	289.101.414
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	4.867.145.396
Khác	21.226.285	-
	<u>1.680.546.493</u>	<u>6.972.294.526</u>

28. Thu nhập khác

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Giảm giá của nhà cung cấp	1.026.127.709	1.850.839.028
Khác	759.892.146	61.275.830
	<u>1.786.019.855</u>	<u>1.912.114.858</u>

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	764.383.921	1.504.427.501
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	-	770.698.506
	<u>764.383.921</u>	<u>2.275.126.007</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	(6.364.965.440)	5.257.656.282
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(1.400.292.397)	1.314.414.071
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	-	277.736.043
Chi phí không được khấu trừ thuế	698.844.404	238.091.043
Thu nhập không bị tính thuế	(106.610.548)	(75.810.426)
Sử dụng các khoản lỗ tính thuế chưa được ghi nhận trước đây	(17.639.899)	(46.467.195)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	82.853.676	104.092.238
Thay đổi chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	-	231.209.552
Ảnh hưởng của các bút toán hợp nhất	1.507.228.685	231.860.681
	764.383.921	2.275.126.007

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

(c) Thuế suất áp dụng

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013: 25%).

Các công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất quy định Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và trong các quy định thuế hiện hành.

Theo Luật Sửa đổi Bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh Nghiệp ngày 19 tháng 6 năm 2013, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

30. (Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lỗ cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 được dựa trên số lỗ thuộc về cổ đông phổ thông là 7.129 triệu VND (cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013: lãi 2.983 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 21.573.983 cổ phiếu (cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013: 21.573.983 cổ phiếu).

31. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro tài chính mà Tập đoàn dễ gặp phải khi sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản tiền gửi tại các tổ chức tài chính.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	3.547.721.732	46.695.340.667
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	37.155.854.201	113.467.533.820
		40.703.575.933	160.162.874.487

(i) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(ii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa gắn liền với các khoản phải thu này.

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 tới 45 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn và chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm cuối kỳ/năm như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm	-	3.695.706.464
Quá hạn từ 1 năm đến 2 năm	7.436.376.241	6.673.144.097
Quá hạn từ 2 năm đến 3 năm	1.125.934.913	-
	8.562.311.154	10.368.850.561

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ/năm như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2013 VND
Số dư đầu kỳ/năm	13.732.876.753	8.540.837.706
Tăng dự phòng trong kỳ/năm	1.966.256.843	5.192.039.047
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ/năm	(876.141.023)	-
Số dư cuối kỳ/năm	14.822.992.573	13.732.876.753

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Tại ngày lập báo cáo, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014			
Vay ngắn hạn	35.854.980.172	36.740.284.946	36.740.284.946
Các khoản nợ tài chính ngắn hạn khác	29.155.139.156	29.155.139.156	29.155.139.156
	65.010.119.328	65.895.424.102	65.895.424.102
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013			
Vay ngắn hạn	52.499.955.979	60.085.536.457	60.085.536.457
Các khoản nợ tài chính ngắn hạn khác	43.897.323.471	43.897.323.471	43.897.323.471
	96.397.279.450	103.982.859.928	103.982.859.928

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN****(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Tập đoàn có rủi ro tỷ giá từ các giao dịch mua và bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD).

Rủi ro tiền tệ của Tập đoàn được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tiền tệ ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các khoản (nợ phải trả)/tài sản tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.580	28.326
Phải thu khách hàng	1.051	1.273.294
Phải trả người bán	(488.494)	(666.076)
	<hr/>	<hr/>
	(469.863)	635.544

Sau đây là tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

	Tỷ giá hối đoái tại ngày	
	30/6/2014	31/12/2013
USD/VND	21.246	21.085

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với (lỗ)/lợi nhuận thuần của Tập đoàn sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với (lỗ)/lợi nhuận thuần VND
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	
USD (mạnh thêm 2% so với VND)	(155.730.265)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	
USD (mạnh thêm 2% so với VND)	201.006.679

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với (lỗ)/lợi nhuận thuần của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, 35,8 tỷ VND vay ngắn hạn của Tập đoàn chịu lãi suất thả nổi (31/12/2013: 52,5 tỷ VND). Tập đoàn không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Các công cụ tài chính chịu lãi suất cố định		
Tài sản tài chính	-	1.651.644.294
Nợ phải trả tài chính	-	(45.200.000)
		<hr/>
		- 1.606.444.294
		<hr/>
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Nợ phải trả tài chính	(35.854.980.172)	(52.454.755.979)
		<hr/>

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 139.834.423 VND lỗ thuần của Tập đoàn (2013: 393.410.670 VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi.

(iii) Các rủi ro thị trường khác

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ chứng khoán vốn sẵn sàng để bán do Công ty nắm giữ. Ban Giám đốc Công ty theo dõi các chứng khoán vốn trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và Ban Giám đốc Công ty phê duyệt tất cả các quyết định mua và bán.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán hợp nhất, như sau:

	30/6/2014		31/12/2013	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	49.767.090.000	(*)	49.767.090.000	(*)
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	4.764.103.463	4.764.103.463	48.020.519.522	48.020.519.522
- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	37.155.854.201	(*)	113.467.533.820	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	(31.828.574.931)	(*)	(43.897.323.471)	(*)
- Các khoản vay	(35.854.980.172)	(*)	(52.499.955.979)	(*)
	26.676.928.336	(*)	114.857.863.892	(*)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, khoản đầu tư ngắn hạn trị giá 72.000 triệu VND (31/12/2013: 72.000 triệu VND) vào cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Bảo Việt và một giá trị tương ứng được ghi nhận là phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 18) không bao gồm trong phân tích trên.

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được nêu trong các thuyết minh khác của các báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Các công ty liên quan		
<i>Công ty Cổ phần Tín học Viễn thông Hàng không</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	3.736.705.115	3.727.390.572
Thành viên Ban Giám đốc		
Lương và thưởng	1.510.973.510	1.092.774.954
Tạm ứng	3.583.445.000	2.512.420.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

33. Cam kết thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	1.107.216.000	1.107.216.000
Trong vòng hai đến năm năm	92.268.000	618.195.600
	<hr/>	<hr/>
	1.199.484.000	1.725.411.600

34. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2014 VND	30/6/2013 VND
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	104.505.535.920	203.213.544.156
Chi phí nhân công	25.475.321.039	31.309.415.362
Chi phí khấu hao	2.551.793.311	3.325.219.787
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.800.912.582	1.334.986.305
Chi phí khác	4.420.551.068	8.033.932.583

29 -08- 2014

Người lập:

Nguyễn Hải Yến
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Trần Hiền
Kế toán trưởng
Phạm Việt Giang
Đang Giám đốc